

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HS-PT
Ngày: 09-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Dương Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 tháng 2021 do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và kháng cáo của bị cáo Võ Văn L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo: Võ Văn L, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Võ Văn T, sinh năm 1934 và bà Phan Thị L1, sinh năm 1935; có vợ tên Lê Thị T1, sinh năm 1975; có 02 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 24/02/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và tổng hợp hình phạt của Bản án số 07/HSST ngày 21/10/1999 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, chấp hành chung là 36 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/02/2020 đến ngày 08/9/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

Ngoài ra, còn có bị cáo Võ Văn Q không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có liên quan đến kháng nghị: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An, có mặt.

Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo hoặc không liên quan đến kháng cáo không triệu tập đến phiên tòa:

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Thế H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Nguyễn Văn U, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp 4, xã Đ1, huyện B, tỉnh Long An.

4. Đặng Lê Đăng K, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Số 46 đường số 1, khu phố 6, phường A1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Huỳnh Minh T2, sinh năm 1984.

2. Dương Hoài P, sinh năm 1983.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn Q khai nhận vào ngày 27/02/2020 Lê Thế H có kêu Q thuê xe và kiêm tài xế vận chuyển thuốc lá ngoại dùm H, đồng thời thuê Q làm phụ xế. Q biết Võ Văn L nhiều năm, biết L là tài xế và có xe nên kêu L chở thuốc lá ngoại cho H thì L đồng ý. Ngày 27/02/2020, Q và L được H kêu đi lấy thuốc thì L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 chở Q đi cùng đến cửa khẩu M, thuộc xã M1, huyện Đ2 gọi điện thoại cho người phụ nữ tên Chị Sáu (không rõ họ tên và địa chỉ) nhận thuốc lá ngoại thì được hướng dẫn cho xe chạy vào bãi đất trống ở khu vực gần cửa khẩu M. L và Q chỉ được ngồi trên xe không được xuống, sau đó có người mở cửa sau và chất thuốc lá ngoại lên xe, xong thì kêu L điều khiển xe chạy đi giao khách hàng ở tỉnh Trà Vinh. H cho Q số điện thoại người tên Châu Thanh (không rõ họ tên và địa chỉ) để liên lạc canh đường và chỉ đường cho Q đi giao thuốc lá ngoại, Q sẽ hướng dẫn L điều khiển xe đi. Khi đến tỉnh Trà Vinh, không nhớ rõ địa điểm, chạy qua cầu C một đoạn đến bãi đất trống dừng xe sẽ có người đến chở thuốc đi, sau đó L và Q đi về. Chuyến này Q và L không biết số lượng thuốc lá ngoại giao cho khách là bao nhiêu, sau khi giao xong về H trả công cho Q là 600.000đ, L là 4.000.000đ tiền công và thuê xe. Đến ngày 28/02/2020, H tiếp tục thuê L và Q chở thuốc lá ngoại giao khách hàng ở Thành phố Cần Thơ nhưng chưa biết địa điểm cụ thể, L và Q đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 chở Q đi cùng đến M thuộc xã M1, huyện Đ2 gọi điện thoại cho người phụ nữ tên Chị Sáu nhận thuốc đem giao khách, cũng như lần trước, L và Q chỉ được ngồi trên xe sẽ có

người chất thuốc lá ngoại lên xe, xong thì kêu L chạy đi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L điều khiển xe chở thuốc lá ngoại trên đường tỉnh ĐT830 thuộc ấp 4, xã A2, huyện B thì bị Lực lượng Công an huyện B bắt quả tang trên xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 chở 12.000 bao thuốc lá ngoại gồm 3.600 bao hiệu Jet, 7.800 bao hiệu Hero và 600 bao hiệu Scott. Qua quá trình điều tra, L và Q khai nhận chỉ nhận chở thuê thuốc lá ngoại cho H, còn thuốc lá ngoại chở thuê trên là của ai và giao ai thì L và Q không biết cũng không trực tiếp liên lạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn L, Võ Văn Q phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Võ Văn L 05 (năm) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án nhưng khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/02/2020 đến ngày 08/9/2020.

Bị cáo Võ Văn Q 05 (năm) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án nhưng khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/02/2020 đến ngày 08/9/2020.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 364*** của xe ô tô biển số 51A-***09 mang tên Đặng Lê Đăng K

+ 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen có gắn sim của Võ Văn Q

+ Số tiền thu lợi bất chính của Võ Văn L là 4.000.000đồng,

+ Số tiền thu lợi bất chính của Võ Văn Q là 600.000đồng

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 12.000 bao thuốc lá ngoại (trong đó 3.600 bao hiệu Jet, 7.800 bao hiệu Hero và 600 bao hiệu Scott)

+ 01 cặp biển số 51G-631.89 giá

- Hoàn trả cho bị cáo Võ Văn L số tiền 1.955.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen có gắn sim của Võ Văn L và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Võ Văn L

- Hoàn trả cho bị cáo Võ Văn Q 118.000đồng.

- 02 hợp đồng ủy quyền số 47** ngày 20/02/2019; 01 hợp đồng ủy quyền số 015*** ngày 27/12/2018; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 900*****; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 118**** của xe ô tô biển số 51A-***09 lưu hồ sơ vụ án.

(Vật chứng trên hiện Chi Cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, thi hành án đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, bị cáo Võ Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị, đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B về xử lý vật chứng là tịch thu sung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 mang tên Đặng Lê Đăng K.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Võ Văn L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vận chuyển hàng cấm” là đúng, không oan. Do hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn về kinh tế, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân của bị cáo cũng bị bệnh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị T1 trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 là tài sản chung của vợ chồng bà và bị cáo L. Bị cáo L dùng chiếc xe này làm phương tiện để phạm tội bà hoàn toàn không biết. Bà đồng ý với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Long An.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị và bị cáo Võ Văn L kháng cáo đúng thời hạn quy định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Võ Văn L tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Văn L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn; bị cáo là lao động chính trong gia đình; có chú ruột Võ Văn T3

là người có công với cách mạng; bản thân bị bệnh phổi, khớp, cao huyết áp đang điều trị là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo 05 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là đúng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, cũng là mức khởi điểm của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không có bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về xử lý vật chứng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 mang tên Đặng Lê Đăng K, do đây là tài sản mà bị cáo L dùng làm phương tiện phạm tội là chưa đủ căn cứ. Vì tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo L và bà Lê Thị T1. Việc bị cáo L dùng tài sản này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì bà T1 không biết, nên Tòa cấp sơ thẩm tuyên tịch thu toàn bộ tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 là xâm phạm và gây thiệt hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị Lê Thị T1, nên Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu 1/2 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 mang tên Đặng Lê Đăng K là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B về hình phạt của bị cáo Võ Văn L; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B về xử lý vật chứng. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ Nhà nước ½ chiếc xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 mang tên Đặng Lê Đăng K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và đơn kháng cáo của bị cáo Võ Văn L trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo Võ Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Khoảng 23 giờ ngày 28/02/2020, tại đường tỉnh ĐT830 thuộc ấp 4, xã A2, huyện B, tỉnh Long An, lực lượng Công an huyện B bắt quả tang trên xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 do Võ Văn L điều khiển và Võ Văn Q phụ xe chở 12.000 bao thuốc lá ngoại gồm 3.600 bao hiệu Jet, 7.800 bao hiệu Hero và 600 bao hiệu Scott. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, L và Q còn khai nhận chở thuốc lá thuê cho Lê Thế H, trước đó ngày 27/02/2020 có chở thuốc lá thuê cho H 01 chuyến thuốc lá giao khách ở tỉnh Trà Vinh nhưng không xác định được số lượng cụ thể, H trả công cho Q là 600.000đ và L là 4.000.000đ. Như vậy, hành vi của các bị cáo bị cáo Võ Văn L, Võ Văn Q có đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 191 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo vận chuyển thuốc lá ngoại với số lượng 12.000 bao nên thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình có khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có chú ruột Võ Văn T3 là người có công với cách mạng; bản thân bị cáo bị bệnh phổi, khớp, cao huyết áp đang điều trị là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 5 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự về quản lý kinh tế, làm xáo trộn và gây nguy hại đến nền kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường và ổn định kinh tế quốc gia, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Đối với mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là đúng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, đây cũng là mức khởi điểm của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có trình bày là hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bản thân bị bệnh nhưng tình tiết này cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Bị cáo phạm tội” Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt thấp nhất 5 năm tù nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Xem xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về xử lý vật chứng: Bị cáo Võ Văn L sử dụng tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 để chở thuốc lá nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là phương tiện bị cáo dùng để phạm tội là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định tài sản trên là do vợ chồng bị cáo L và bà T1 mua của Đặng Lê Đăng K vào năm 2019 chưa đăng ký sang tên nhưng đã làm thủ tục công chứng ủy quyền cho bị cáo L đứng tên sử dụng, mục đích chở khách và hàng thuê, nhưng lại tịch thu sung Ngân sách Nhà nước toàn bộ tài sản trên là không có căn cứ. Bởi lẽ, tài sản là chiếc xe trên là tài sản chung của bị cáo L và bà T1, bà T1 không biết L sử dụng vào việc chở thuốc lá ngoại nhập lậu nên cơ quan điều tra không xử lý bà T1. Căn cứ vào Điều 29 Luật Hôn nhân gia đình thì chiếc xe ô tô là tài sản chung nên bị cáo L và bà T1 đều có quyền sở hữu ngang ngang nhau về giá trị tài sản. Trong vụ án này bị cáo L dùng chiếc xe để làm phương tiện dùng vào mục đích vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật, bà T1 không biết, nhưng án sơ thẩm tuyên tịch thu toàn bộ chiếc xe sung công quỹ Nhà nước là xâm phạm, gây thiệt hại đến quyền lợi của bà T1. Do đó, chấp nhận theo nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về xử lý vật chứng là tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu TI-J biển số 51A-***09 mang tên Đặng Lê Đăng K là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị cáo Võ Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An về hình phạt của bị cáo Võ Văn L.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa một phần bản án Hình sự số 114/2020/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B về phần xử lý vật chứng.

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn L 05 (năm) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/02/2020 đến ngày 08/9/2020.

2. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 1/2 giá trị xe ô tô nhãn hiệu TI-J, biển số 51A-***09, chủ xe: Đặng Lê Đăng K, màu sơn: Ghi bạc, dung tích xi lanh: 1998, công suất 100, số máy: 1TR637****, số khung: RL4XW41G67900**** (1/2 giá trị chiếc xe còn lại thuộc sở hữu của bà Lê Thị T1); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 364*** của xe ô tô biển số 51A-***09 mang tên Đặng Lê Đăng K; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen có gắn sim của Võ Văn Q; số tiền thu lợi bất chính của Võ Văn L là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng; số tiền thu lợi bất chính của Võ Văn Q là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 12.000 bao thuốc lá ngoại (trong đó 3.600 bao hiệu Jet, 7.800 bao hiệu Hero và 600 bao hiệu Scott); 01 cặp biển số 51G-631.89 giả.

- Hoàn trả cho bị cáo Võ Văn L: Số tiền 1.955.000 (Một triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, có gắn sim của Võ Văn L; 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Võ Văn L,

- Hoàn trả cho bị cáo Võ Văn Q: 118.000 (Một trăm mười tám nghìn) đồng.

- Lưu hồ sơ vụ án: 02 hợp đồng ủy quyền số 47** ngày 20/02/2019; 01 hợp đồng ủy quyền số 015*** ngày 27/12/2018; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 900*****; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 118**** của xe ô tô biển số 51A-***09.

(Vật chứng trên hiện Chi Cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ).

3. Về án phí: Bị cáo Võ Văn L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Phụng